

CT 3

Câu 1: Luật bảo vệ môi trường được quốc hội thông qua:

- a) Ngày 23/8 năm 2014.
- b) Ngày 23/10 năm 2014.
- c) Ngày 23/6 năm 2014.**
- d) Ngày 23/12 năm 2014.

Câu 2: Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực:

- a) Ngày 23/6 năm 2014.
- b) Ngày 01/01 năm 2015.**
- c) Ngày 23/12 năm 2014.
- d) Ngày 01/05 năm 2015.

Câu 3: Hành vi nào vi phạm môi trường:

- a) Trồng cây phủ xanh đồi trọc.
- b) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
- c) Đốt phá rừng.**
- d) Giao việc bảo vệ rừng cho tổ chức, cá nhân.

Câu 4: Hành động làm mất cân bằng sinh thái, hủy hoại môi trường là:

- a) Khai thác khoáng sản đúng quy hoạch.
- b) Khai thác khoáng sản một cách bừa bãi.**
- c) Đảm bảo điều kiện về môi trường khi khai thác tài nguyên.

d) An toàn cho người và tài sản khi khai thác khoáng sản.

Câu 5: Hành động gây ô nhiễm môi trường nước:

- a) **Thải dầu mỡ, hóa chất độc hại vào nguồn nước.**
- b) Tự khai thác nước ngầm.
- c) Xử lý hóa chất độc hại đúng quy định.
- d) Khơi thông dòng chảy của nguồn nước.

Câu 6: Hành động gây ô nhiễm môi trường không khí:

- a) Trồng thêm cây xanh.
- b) Sử dụng các loại xe cơ giới đạt tiêu chuẩn về khí thải.
- c) **Vứt xác động vật bừa bãi.**
- d) Mở nhạc với cường độ đúng quy định.

Câu 7: Hành động vi phạm pháp luật về môi trường:

- a) Kinh doanh gia cầm đúng quy định.
- b) Nuôi trồng thủy hải sản phục vụ xuất khẩu.
- c) Có ý thức bảo vệ động vật hoang giã.
- d) **Kinh doanh các loại thực vật, động vật quý, hiếm trong danh mục quy định cấm của Chính phủ.**

Câu 8: Ví phạm pháp luật về môi trường trong xuất nhập khẩu:

- a) Xuất khẩu nông sản sạch nhập khẩu.
- b) **Xuất nhập khẩu chất thải.**

c) Nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất.

d) Xuất khẩu hải sản đúng quy định.

Câu 9: Đánh bắt hải sản bất hợp pháp gây hại cho môi trường:

a) **Dùng xung điện khai thác hải sản.**

b) Dùng tàu thuyền nhỏ khai thác hải sản.

c) Dùng thuyền Câu hải sản.

d) Sử dụng tàu công xuất lớn đánh bắt xa bờ.

Câu 10: Cơ sở kinh doanh thực hiện đúng pháp luật về môi trường nước:

a) Vận chuyển chất thải, thải trộm ra kênh rạch.

b) Thải trực tiếp nước thải ra môi trường.

c) Chôn chất thải gần nguồn nước.

d) Sử lý nước thải đúng quy định trước khi thải ra môi trường.

Câu 11: Hành vi nào ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường biển:

a) **Sử dụng thuốc nổ để khai thác hải sản.**

b) Thu gom rác thải nhựa dọc bờ biển.

c) Đánh bắt cá ngừ đại dương xuất khẩu.

d) Bảo tồn rùa biển quý hiếm.

Câu 12: Hành vi làm ảnh hưởng đến biến đổi khí hậu cần lên án:

a) Thành lập hội đồng thôn bản lập khế ước để bảo vệ rừng.

b) Chặt phá đốt rừng bừa bãi làm nương rẫy.

- c) Khai thác lâm sản đúng quy định.
- d) Bảo vệ rừng nguyên sinh, phòng hộ.

Câu 13: Nguyên nhân xả rác thải sinh hoạt bừa bãi:

- a) Vô tình thực hiện hành vi đó.
- b) Cho là việc làm đó không sai.
- c) Thiếu ý thức bảo vệ môi trường.**
- d) Do không được nhắc nhở.

Câu 14: Nguyên nhân cơ sở sản xuất kinh doanh xả trộm nước thải chưa được xử lý ra môi trường:

- a) Vì lợi nhuận, thiếu đạo đức kinh doanh.**
- b) Chưa hiểu biết về luật bảo vệ môi trường.
- c) Chưa được các cơ quan chức năng nhắc nhở.
- d) Thiếu hụt kinh phí.

Câu 15: Hiện tượng chặt phá rừng còn xảy ra ở nhiều nơi rất nghiêm trọng do:

- a) Cuộc sống mưu sinh của một số người.
- b) Chưa được tuyên truyền nhắc nhở.
- c) Xử lý vi phạm pháp luật về môi trường chưa thực sự nghiêm minh.**
- d) Địa phương chưa quan tâm đến bảo vệ môi trường.

Câu 16: Khó khăn trong quá trình xử lý về tội phạm môi trường:

- a) Người dân, người lao động không tố cáo.

b) Thủ đoạn của loại tội phạm này ngày một tinh vi hơn.

- c) Do cơ sở vi phạm không báo cáo.
- d) Chưa thấy tác động xấu tới môi trường.

Câu 17: Khó khăn về xử lý vi phạm môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế:

- a) Các chủ đầu tư nước ngoài thực hiện nghiêm luật môi trường.
- b) Hệ thống xử lý môi trường phức tạp.
- c) Nhiều vi phạm về môi trường của chủ đầu tư nước ngoài.**
- d) Cơ sở, sản xuất kinh doanh báo cáo đầy đủ về môi trường.

Câu 18: Vì sao tổ chức cá nhân vi phạm môi trường ngay nơi sản xuất hoặc ở khu dân cư mà khó phát hiện.

- a) Vì người lao động sơ mất việc.
- b) Vì người dân sơ va chạm.
- c) Chưa phát huy được tinh thần làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.**
- d) Chưa nhận thức đúng về môi trường.

Câu 19: Một trong những giải pháp đấu tranh phòng chống những hành vi vi phạm và tội phạm về môi trường:

- a) Xử phạt hành chính tội phạm về môi trường.
- b) Tiếp nhận báo cáo về môi trường của cơ sở sản xuất.
- c) Khuyến khích cá nhân tố cáo vi phạm về môi trường.

d) Tổ chức thực hiện triệt để các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Câu 20: Để phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường chúng ta phải:

- a) Dựa vào tinh thần tự giác của người dân.
- b) Phụ thuộc vào sự quản lý về môi trường của cơ sở.
- c) Dựa vào lực lượng thanh niên tình nguyện.
- d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mọi công dân.**

Câu 21: Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường phải:

- a) Quan trắc môi trường.
- b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường.**
- c) Thực hiện trồng nhiều cây xanh.
- d) Thu gom rác thải sinh hoạt.

Câu 22: Để phát hiện hành vi vi phạm môi trường cần:

- a) Đặt camera quan sát.
- b) Thông qua báo cáo của các cơ sở về môi trường.
- c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cơ sở, địa bàn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.**

d) Căn cứ vào phát hiện của quần chúng.

Câu 23: Để phát minh, sáng chế công nghệ phục vụ cho bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường thực hiện giải pháp:

- a) Phổ biến luật môi trường.
- b) Tuyên truyền bảo vệ môi trường.
- c) Phát động phong trào vì môi trường.
- d) Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học, chuyên đề về môi trường.**

Câu 24: Những hành động nào sau đây làm suy thoái môi trường:

- a) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi, săn bắt động vật hoang dã.**
- b) Trồng cây phủ xanh đồi trọc.
- c) Bảo vệ sinh vật có tên trong sách đỏ.
- d) Không chặt phá rừng bừa bãi.

Câu 25: Hành động bảo vệ môi trường biển là:

- a) Đánh bắt hải sản bằng chất nổ.
- b) Tăng cường đánh bắt hải sản ở ven bờ.
- c) Khai thác hợp lí kết hợp cải tạo, phục hồi và nuôi bổ sung tài nguyên biển.**
- d) Dùng hóa chất hoặc xung điện để đánh bắt hải sản.

Câu 26: Luật Bảo vệ môi trường quy định việc bảo vệ môi trường nhằm:

- a) Bảo vệ sức khỏe của nhân dân, phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước.**

- b) Bảo vệ phát triển kinh tế rừng.
- c) Bảo vệ môi trường không khí.
- d) Bảo vệ phát triển kinh tế biển.

Câu 27: Lực lượng làm nòng cốt đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường:

- a) Cảnh sát hình sự.
- b) Cảnh sát kinh tế.
- c) An ninh nhân dân.
- d) Cảnh sát môi trường.**

Câu 28: Đối với chất thải công nghiệp, luật bảo vệ môi trường quy định:

- a) Đổ trực tiếp ra môi trường.
- b) Tự do chuyên chở chất thải từ nơi này đến nơi khác.
- c) Các tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm xử lý chất thải bằng công nghệ thích hợp.**
- d) Chôn vùi dưới đất.

Câu 29: Hành động của con người gây tác động xấu môi trường là:

- a) Khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện phục hồi môi trường.
- b) Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.
- c) Xây dựng môi trường "Xanh, sạch, đẹp".
- d) Chặt phá rừng bừa bãi, săn bắt động vật hoang dã.**

Câu 30: Hành vi nào vi phạm luật bảo vệ môi trường:

- a) Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, giữ môi trường trong lành.
Luật An ninh mạng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa....., kỳ họp thứ thông qua ngày.
- b) Giữ gìn phòng ngừa hạn chế tác động xấu đến môi trường.
- c) Hình thành nếp sống thói quen giữ vệ sinh môi trường.
- d) Thải dầu mỡ, hóa chất độc hại, quá giới hạn cho phép vào nguồn nước.**

CT 4

Câu 1: Bộ luật hình sự Việt Nam mới nhất đang áp dụng có từ năm nào?

- a) Năm 1985.
- b) Năm 1999.
- c) Năm 2015.**
- d) Năm 2016.

Câu 2: Bộ luật hình sự Việt Nam mới nhất được sửa đổi năm nào?

- a) Năm 2013.
- b) Năm 2015.
- c) Năm 2017.**
- d) Năm 2019.

Câu 3: Bộ luật hình sự hiện hành có bao nhiêu chương, điều?

- a) 24 chương, 416 điều.
- b) 26 chương, 426 điều.**
- c) 28 chương, 428 điều.
- d) 30 chương, 430 điều.

Câu 4: Chương nào, mục nào của bộ luật hình sự Việt Nam nói về các tội xâm phạm an toàn giao thông?

- a) Chương XX, Mục 1.
- b) Chương XX, Mục 2.

c) **Chương XXI, Mục 1.**

d) Chương XXI, Mục 2.

Câu 5: Theo bộ luật hình sự Việt Nam các tội xâm phạm an toàn giao thông có bao nhiêu điều?

a) 15 điều.

b) 20 điều.

c) 25 điều.

d) 30 điều.

Câu 6: Tội xâm phạm an toàn giao thông đường bộ Có bao nhiêu điều?

a) 5 điều.

b) 7 điều.

c) 9 điều.

d) 11 điều.

Câu 7: Phòng, chống vi phạm về bảo đảm TTATGT Là sử dụng các biện pháp, phương tiện để phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, điều tra. Nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện dẫn đến phạm tội về vi phạm pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông là:

a) Giải pháp phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.

b) Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.

c) Khái niệm phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.

d) Mục tiêu phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.

Câu 8: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, các tổ chức đoàn thể từ Trung ương đến địa phương về bảo đảm TTATGT là:

- a) Khái niệm phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.
- b) Giải pháp phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.
- c) **Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.**
- d) Mục tiêu phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.

Câu 9: Nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông, xây dựng văn hóa giao thông trong cộng đồng là:

- a) Các giải pháp chủ yếu về bảo đảm TTATGT.
- b) Trách nhiệm của sinh viên.
- c) Khái niệm phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.
- d) **Mục tiêu phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.**

Câu 10: Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT là:

- a) Khái niệm về bảo đảm TTATGT.
- b) **Các giải pháp chủ yếu về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT.**
- c) Mục tiêu phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.
- d) Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.

Câu 11: Tuyên truyền, vận động mọi người tham gia giao thông tự giác chấp hành pháp luật trật tự an toàn giao thông là:

- a) Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.
- b) Mục tiêu phòng, chống vi phạm luật giao thông.
- c) Trách nhiệm của sinh viên.**
- d) Giải pháp phòng, chống vi phạm luật giao thông.

Câu 12: Theo bộ luật hình sự Việt Nam, tội xâm phạm an toàn giao thông đường sắt có bao nhiêu điều?

- a) 5 điều.**
- b) 7 điều.
- c) 9 điều.
- d) 11 điều.

Câu 13: Theo bộ luật hình sự Việt Nam, tội xâm phạm an toàn giao thông đường thủy có bao nhiêu điều?

- a) 5 điều.**
- b) 8 điều.
- c) 11 điều.
- d) 14 điều.

Câu 14: Theo bộ luật hình sự Việt Nam, tội xâm phạm an toàn giao thông đường không có bao nhiêu điều?

- a) 5 điều.**

b) 8 điều.

c) 11 điều.

d) 14 điều.

Câu 15: Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong hoạt động bảo đảm TTATGT; nâng cao ý thức trách nhiệm của người thực thi công vụ về bảo đảm (TTATGT) là:

a) Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.

b) Giải pháp phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT.

c) Mục tiêu phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

d) Khái niệm về vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT.

Câu 16: Tiếp tục giảm cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông là:

a) Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

b) Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

c) Mục tiêu phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

d) Giải pháp chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

Câu 17: Tập trung nâng cao chất lượng xây dựng và kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông là:

a) Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

b) Phương hướng phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

c) Biện pháp Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

d) Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

Câu 18: Đẩy mạnh hoạt động tuần tra, kiểm soát (TTKS) và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm TTATGT là:

- a) Biện pháp Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.
- b) Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.**
- c) Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.
- d) Phương hướng phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

Câu 19: Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT là:

- a) Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.
- b) Các giải pháp chủ yếu về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT.**
- c) Khái niệm về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT.
- d) Phương hướng về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT.

Câu 20: Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGT là:

- a) Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT.
- b) Phương hướng phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT.
- c) Các giải pháp chủ yếu về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT.**
- d) Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT.

Câu 21: Bộ luật hình sự Việt nam được thông qua bởi:

- a) Nhà nước Việt Nam.
- b) Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam.
- c) Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam.
- d) Mặt trận Tổ quốc Việt nam.

Câu 22: Điều 260, mục 1 của luật hình sự qui định phạt tiền từ 30.000.000 đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm khi tham gia giao thông:

- a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 41% trở lên.
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 51% trở lên.
- c) **Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.**
- d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 71% trở lên.

Câu 23: Tích cực tham gia học luật giao thông đường bộ, tìm hiểu nắm vững thêm các điều luật và quy định đảm bảo trật tự an toàn giao thông là nội dung của:

- a) Khái niệm an toàn giao thông.
- b) Nhiệm vụ của bảo đảm an toàn giao thông.
- c) **Trách nhiệm của sinh viên.**
- d) Các giải pháp chủ yếu bảo đảm ATGT.

Câu 24: Chính phủ ban hành Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt vào ngày:

- a) Ngày 28/12/2019.
- b) Ngày 29/12/2019.
- c) Ngày 30/12/2019.**
- d) Ngày 31/12/2019.

Câu 25: Chấp hành nghiêm túc hệ thống báo hiệu đường bộ, đi đúng phần đường, làn đường quy định; không sử dụng rượu, bia trước khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông, không điều khiển xe chạy quá tốc độ qui định là nội dung:

- a) Nhiệm vụ của bảo đảm an toàn giao thông.
- b) Phương hướng đảm an toàn giao thông.
- c) Trách nhiệm của sinh viên.**
- d) Giải pháp đảm an toàn giao thông.

Câu 26: Điều 260, mục 1 của luật hình sự qui định phạt tiền từ 30.000.000 đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm khi tham gia giao thông:

- a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 41% đến 121%.
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 51% đến 121%.
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.**

- d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 71% đến 121%.

Câu 27: Nghị định 100/2019/NĐ-CP. Điều 6. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ “Chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù)” sẽ bị:

- a) Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng.
- b) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.**
- c) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 250.000 đồng.
- d) Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 300.000 đồng.

Câu 28: Một trong các giải pháp chủ yếu phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

- a) Nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông
- b) Đẩy mạnh hoạt động tuần tra, kiểm soát (TTKS) và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm TTATGT.
- c) Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT.**
- d) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền.

Câu 29: Một trong các nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

- a) Giảm ùn tắc giao thông trong các đô thị lớn.

- b) Tập trung nâng cao chất lượng xây dựng và kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không.**
- c) Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền pháp luật về TTATGT.
- d) Tiếp tục giảm cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông.

Câu 30: Một trong các giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

- a) Nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông.
- b) Tích cực tham gia học luật giao thông đường bộ.
- c) Giảm ùn tắc giao thông.**
- d) Vận động mọi người tham gia giao thông tự giác chấp hành pháp luật trật tự an toàn giao thông.

CT 5

Câu 1: Bộ Luật hình sự hiện hành của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là:

- a) Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- b) Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2016.
- c) Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2018.
- d) Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019.

Câu 2: Nội dung nào thể hiện nhiệm vụ của Bộ Luật hình sự:

- a) Giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật và phòng, chống tội phạm.
- b) Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định tội phạm và hình phạt.
- c) Bảo vệ các quan hệ xã hội được các luật khác thiết lập.
- d) Công cụ sắc bén, để đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Câu 3: “Bộ Luật hình sự là công cụ sắc bén, hữu hiệu để đấu tranh phòng, chống tội phạm” là:

- a) Đặc điểm của BLHS.
- b) Đặc trưng của BLHS.
- c) Vai trò của BLHS.

d) Nhiệm vụ của BLHS.

Câu 4: Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người được quy định trong:

a) **Chương XIV - Bộ Luật hình sự hiện hành.**

b) Chương XV - Bộ Luật hình sự hiện hành.

c) Chương XVI - Bộ Luật hình sự hiện hành.

d) Chương XVII - Bộ Luật hình sự hiện hành.

Câu 5: Nhân phẩm, danh dự của con người là những yêu tố về tinh thần, bao gồm:

a) **Phẩm giá, giá trị, sự tôn trọng, tình cảm của người xung quanh đối với người đó.**

b) Những yếu tố gắn liền với quyền nhân thân được pháp luật bảo vệ.

c) Tổng hợp những phẩm chất mang tính đặc trưng của mỗi cá nhân.

d) Dư luận xã hội, giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp của xã hội giành cho người đó.

Câu 6: Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

a) **Làm cho người đó bị xúc phạm, tổn thương về tinh thần và xấu hổ.**

b) Xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ về nhân phẩm, danh dự người khác.

c) Xâm phạm về nhân phẩm, danh dự được pháp luật bảo vệ.

d) Hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS năm 2017.

Câu 7: “Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội” là:

- a) Tính chất của tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự.
- b) Đặc điểm của tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự.**
- c) Nội dung của tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự.
- d) Khái niệm của tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự.

Câu 8: Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định trong:

- a) Bộ Luật hình sự.**
- b) Bộ Luật tố tụng hình sự.
- c) Bộ Luật dân sự.
- d) Bộ Luật tố tụng dân sự.

Câu 9: “Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện” là.

- a) Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi trở lên.**
- b) Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.
- c) Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 18 tuổi trở lên.
- d) Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 20 tuổi trở lên.

Câu 10: Người nào xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác phải chịu:

- a) Trách nhiệm tố tụng hình sự.
- b) Trách nhiệm dân sự.
- c) Trách nhiệm hình sự.**

- d) Trách nhiệm tố tụng dân sự.

Câu 11: Chủ quan của tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- a) Lỗi, động cơ, mục đích của người phạm tội.
- b) Lỗi.
- c) Động cơ.
- d) Mục đích.

Câu 12: Tội xâm phạm tình dục là:

- a) Hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ Luật hình sự.
- b) Hành động xâm phạm thể xác của người khác để thỏa mãn nhu cầu sinh lý.
- c) Hành động dùng vũ lực để ép buộc người khác quan hệ tình dục.
- d) Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý.

Câu 13: Bộ Luật hình sự hiện hành quy định về tội hiếp dâm là:

- a) Dụ giỗ, lường gạt người khác thực hiện hành vi quan hệ tình dục.
- b) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để thực hiện hành vi quan hệ tình dục.
- c) Ép buộc nạn nhân quan hệ tình dục ngoài ý muốn.
- d) Thực hiện hành vi giao cấu nhưng không được nạn nhân cho phép.

Câu 14: Bộ Luật hình sự quy định về tội hiếp dâm với mức án cao nhất là:

- a) Chung thân.
- b) Tử hình.

c) 20 năm.

d) 15 năm.

Câu 15: Phạm tội hiếp dâm trong các trường hợp nào sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) **Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội.**

b) Nhiều người hiếp một người.

c) Có tính chất loạn luân.

d) Làm nạn nhân có thai.

Câu 16: Phạm tội mua bán người trong các trường hợp nào sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) **Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhàn tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác.**

b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe cơ thể dưới 31%.

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe cơ thể từ 31% đến 60%.

d) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe cơ thể 61% trở lên.

Câu 17: Phạm tội mua bán người trong các trường hợp nào sau đây thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm.

a) **Vì động cơ đê hèn.**

b) Có tính chất chuyên nghiệp.

c) Đã lấy bô phận cơ thể của nạn nhân.

d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

Câu 18: Phạm tội mua bán người trong các trường hợp nào sau đây thì bị phạt từ 12 năm đến 20 năm.

- a) Vì động cơ đê hèn.
- b) Có tính chất chuyên nghiệp.**
- c) Có tổ chức.
- d) Phạm tội 02 lần trở lên.

Câu 19: Phạm tội mua bán người có thể bị phạt tiền:

- a) Từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.
- b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.
- c) Từ 20.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.
- d) Từ 20.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.**

Câu 20: Tội làm nhục người khác là:

- a) Hành vi xâm phạm đến quyền được bảo hộ về nhân phẩm, danh dự của người khác.**
- b) Lăng mạ, sỉ nhục, chửi bới... làm họ bị xúc phạm về nhân phẩm, danh dự.
- c) Hành vi xúc phạm về thể xác ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của họ trước tập thể.
- d) Có hành vi làm cho người khác bị mất nhân phẩm, danh dự trước tập thể.

Câu 21: Phạm tội làm nhục người khác, có thể bị phạt tiền:

- a) Từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.**
- b) Từ 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

c) Từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

d) Từ 10.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Câu 22: Phạm tội làm nhục người khác trong các trường hợp nào sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

a) Gây rối loạn tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

b) Đối với người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh cho mình.

c) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội.

d) Gây rối loạn tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

Câu 23: Tội lây truyền HIV cho người khác là:

a) Biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền HIV cho người khác.

b) Không biết mình bị nhiễm HIV mà vô ý lây truyền HIV cho người khác.

c) Biết mình bị nhiễm HIV nhưng vô ý lây truyền HIV cho người khác.

d) Biết mình bị nhiễm HIV nhưng cố ý mang bầu và sinh con (đối với phụ nữ).

Câu 24: Người phạm tội có ý lây truyền HIV cho người khác có thể bị phạt tù:

a) Từ 01 năm đến 03 năm.

b) Từ 03 năm đến 05 năm.

c) Từ 05 năm đến 09 năm.

d) Từ 09 năm đến 12 năm.

Câu 25: Nội dung nào thể hiện biện pháp kinh tế-xã hội phòng, chống các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

- a) Tăng cường các biện pháp liên quan đến phát hiện và xử lý.
- b) Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.**
- c) Đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tuyên truyền.
- d) Quan tâm và có chiến lược giáo dục con cháu hiệu quả.

Câu 26: “Tăng cường mở các lớp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động ở các địa phương” là biện pháp:

- a) Kinh tế - xã hội.**
- b) Văn hóa - giáo dục.
- c) Giáo dục của gia đình, nhà nước và xã hội.
- d) Quản lý nhà nước về ANTT xã hội ở các địa phương.

Câu 27: “Gắn giáo dục kiến thức văn hóa với giáo dục kỹ năng sống” để phụ nữ và trẻ em:

- a) Tự bảo vệ mình trước các nguy cơ bị xâm hại.**
- b) Tham gia công tác phòng, chống tội phạm.
- c) Tránh xa những đối tượng có tiền án, tiền sự.
- d) Nâng cao nhận thức về thái độ và trách nhiệm.

Câu 28: “Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự trong cộng đồng dân cư” là nội dung của biện pháp:

- a) Văn hóa-giáo dục.**

- b) Kinh tế-xã hội.
- c) Giáo dục của gia đình.
- d) Giáo dục của Nhà nước và xã hội.

Câu 29: Biện pháp văn hóa-giáo dục được xác định là biện pháp:

- a) Quan trọng, hàng đầu.
- b) Cơ bản, lâu dài.
- c) Bao trùm, cấp thiết.
- d) Thường xuyên, liên tục.**

Câu 30: “Chú trọng giáo dục đạo đức lối kiến thức; lòng ghép nội dung giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản cho học sinh” là trách nhiệm chính của:

- a) Nhà trường.**
- b) Gia đình.
- c) Xã hội.
- d) Đoàn thể.

CT 6

Câu 1: Luật An toàn thông tin mạng gồm bao nhiêu chương, điều?

- a) **08 chương, 54 điều.**
- b) 08 chương, 45 điều
- c) 07 chương, 54 điều.
- d) 07 chương, 45 điều.

Câu 2: Luật An ninh mạng gồm bao nhiêu chương, điều?

- a) 07 chương, 34 điều.
- b) 07 chương, 43 điều.**
- c) 08 chương, 34 điều.
- d) 08 chương, 43 điều.

Câu 3: Chương II của Luật An toàn thông tin mạng: “Bảo đảm an toàn thông tin mạng” gồm bao nhiêu điều? Từ điều mấy đến điều mấy:

- a) 21 điều, từ điều 19 đến điều 39.
- b) 12 điều, từ điều 9 đến điều 21.

c) 21 điều, từ điều 9 đến điều 29.

d) 12 điều, từ điều 9 đến điều 21.

Câu 4: Luật An toàn thông tin mạng có hiệu lực thi hành từ:

a) Ngày 07 tháng 01 năm 2016.

b) Ngày 01 tháng 07 năm 2016.

c) Ngày 01 tháng 07 năm 2015.

d) Ngày 07 tháng 01 năm 2015.

Câu 5: Chủ thể thông tin cá nhân là:

a) Người quản lý thông tin cá nhân đó.

b) Người được thu thập thông tin cá nhân đó.

c) Người được xác định từ thông tin cá nhân đó.

d) Người được kiểm tra thông tin cá nhân đó.

Câu 6: Các hành vi bị nghiêm cấm của luật an toàn thông tin mạng.

a) Phát tán thư rác, phần mềm độc hại, thiết lập hệ thống thông tin giả mạo, lừa đảo.

b) Phát tán thư rác, vi rút độc hại, thiết lập hệ thống thông tin giả mạo, lừa đảo.

c) Phát tán thư rác, phần mềm độc hại, tuyên truyền các thông tin giả mạo, lừa đảo.

d) Phát tán thư rác, phần mềm độc hại, đưa thông tin giả mạo, lừa đảo, xuyên tạc, tấn công mạng.

Câu 7: Bảo vệ an ninh mạng là:

a) Phòng ngừa, điều tra, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.

b) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.

c) Phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.

d) Điều tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.

Câu 8: Không gian mạng quốc gia là:

a) Không gian mạng do Chính phủ xây dựng, quản lý và kiểm soát.

b) Không gian mạng do Chính phủ quản lý và kiểm soát.

c) Không gian mạng do Chính phủ xác lập, quản lý và kiểm soát.

d) Không gian mạng do Chính phủ xác lập và kiểm soát.

Câu 9: Khủng bố mạng là:

a) Việc sử dụng tài khoản cá nhân để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố.

b) Việc sử dụng tài khoản tổ chức để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố.

c) Việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố.

d) Việc sử dụng tài liệu liên quan đến không gian mạng để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố.

Câu 10: Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- a) Tuyên truyền tư tưởng sống tự do, cực đoan; Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.
- b) Tuyên truyền tư tưởng sống tự do, cực đoan; Đòi tự do, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.
- c) Tuyên truyền xuyên tạc, phi báng chính quyền nhân dân; Đòi tự do, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.
- d) **Tuyên truyền xuyên tạc, phi báng chính quyền nhân dân; Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.**

Câu 11: Thông tin trên không gian mạng có nội dung:” Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc”. Là nội dung vi phạm:

- a) Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối TTCC.
- b) **Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.**
- c) Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống.

- d) Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Câu 12: Thông tin trên không gian mạng có nội dung:” Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước”. Là nội dung vi phạm:

- a) **Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.**
- b) Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối TTCC.
- c) Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống.
- d) Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Câu 13: Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng:

- a) Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước.
- b) Thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.
- c) **Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân.**
- d) Tuyên truyền xuyên tạc, phi báng chính quyền nhân dân.

Câu 14: Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống:

- a) Xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác.
- b) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân.
- c) Thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá trị khác.
- d) Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

Câu 15: Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế:

- a) Thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.
- b) Thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá trị khác.**
- c) Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về ANTT.
- d) Thông tin có nội dung vu khống về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá trị khác.

Câu 16: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử khi nào?

- a) Ngày 02 tháng 03 năm 2020.
- b) Ngày 03 tháng 02 năm 2019.

c) Ngày 03 tháng 02 năm 2020.

d) Ngày 02 tháng 03 năm 2019.

Câu 17: Theo Điều 101 của Nghị định này, hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân sẽ bị phạt từ.

a) 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

b) 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

c) 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

d) 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Câu 18: Phạt tiền đối với hành vi xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu cơ sở dữ liệu hoặc cản trở việc sử dụng cơ sở dữ liệu của chủ sở hữu khi thực hiện tái sản xuất, phân phối, quảng bá, truyền đưa, cung cấp nội dung hợp thành cơ sở dữ liệu:

a) 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

b) 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

c) 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng.

d) 140.000.000 đồng đến 240.000.000 đồng.

Câu 19: Phạt tiền đối với hành vi phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin hoặc phá hoại thông tin trên môi trường mạng:

a) 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

b) 140.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng.

c) 100.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng.

d) 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

Câu 20: Tiền đói hành vi bẻ khóa, trộm cắp, sử dụng mật khẩu, khóa mật mã và thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng.

a) 10.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

b) 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

c) 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

d) 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Câu 21: Phạt tiền đói với hành vi: Truy cập trái phép vào mạng hoặc thiết bị số của người khác để chiếm quyền điều khiển thiết bị số hoặc thay đổi, xóa bỏ thông tin lưu trữ trên thiết bị số hoặc thay đổi tham số cài đặt thiết bị số hoặc thu thập thông tin của người khác; Xâm nhập, sửa đổi, xóa bỏ nội dung thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng; Cản trở hoạt động cung cấp dịch vụ của hệ thống thông tin; Ngăn chặn việc truy nhập đến thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng, trừ trường hợp pháp luật cho phép; Làm mất an toàn, bí mật thông tin của tổ chức, cá nhân khác được trao đổi, truyền đưa, lưu trữ trên môi trường mạng.

a) 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

b) 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

c) 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

d) 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Câu 22: Phạt tiền đối hành vi thu thập thông tin cá nhân khi chưa có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân về phạm vi, mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin đó; cung cấp thông tin cá nhân cho bên thứ ba khi chủ thể thông tin cá nhân đã yêu cầu ngừng cung cấp:

- a) 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.
- b) 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.
- c) 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.**
- d) 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Câu 23: Phạt tiền đối với hành vi sử dụng không đúng mục đích thông tin cá nhân đã thỏa thuận khi thu thập hoặc khi chưa có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân; cung cấp hoặc chia sẻ hoặc phát tán thông tin cá nhân đã thu thập, tiếp cận, kiểm soát cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý của chủ thông tin cá nhân; thu thập, sử dụng, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông tin cá nhân của người khác:

- a) 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.
- b) 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.
- c) 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.
- d) 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.**

Câu 24: Ngăn chặn, yêu cầu tạm ngừng, ngừng cung cấp thông tin mạng; đình chỉ, tạm đình chỉ các hoạt động thiết lập, cung cấp và sử dụng mạng viễn thông, mạng Internet, sản xuất và sử dụng thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến theo quy định của pháp luật là nội dung:

- a) Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng.**

b) Hình thức bảo vệ an ninh mạng.

c) **Biện pháp bảo vệ an ninh mạng.**

d) Yêu cầu bảo vệ an ninh mạng.

Câu 25: Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, làm thất bại mọi hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ đe dọa an ninh mạng là nội dung:

a) **Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng.**

b) Đặc điểm bảo vệ an ninh mạng.

c) Yêu cầu bảo vệ an ninh mạng.

d) Biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

Câu 26: Kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến bảo vệ an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng, hành vi xâm phạm an ninh mạng cho cơ quan có thẩm quyền, lực lượng bảo vệ an ninh mạng là nội dung:

a) Biện pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng.

b) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng.

c) Nguyên tắc của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng.

d) Yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng.

Câu 27: Luật An toàn thông tin mạng. Luật số:

a) 68/2015/QH12 đã được Quốc hội nước CHXHCN VN khóa XII, kỳ họp thứ 10 thông qua.

- b) 86/2016/QH12 đã được Quốc hội nước CHXHCN VN khóa XII, kỳ họp thứ 12 thông qua.
- c) 68/2016/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 12 thông qua.
- d) 86/2015/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua.**

Câu 28: “Luật An toàn thông tin mạng. đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày:

- a) X, 12, 19/11/2016.
- b) XI, 12, 19/11/2015.
- c) XIII, 10, 19/11/2015.**
- d) XII, 10, 19/11/2016.

Câu 29: Luật An ninh mạng. Luật số:

- a) 24/2019/QH13 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua.
- b) 24/2018/QH14 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua.**
- c) 42/2018/QH14 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua.
- d) 42/2019/QH13 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua.

Câu 30: Luật An ninh mạng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa....., kỳ họp thứ thông qua ngày.

- a) XIII, 05, 12 tháng 6 năm 2018.
- b) XIV, 06, 12 tháng 6 năm 2019.
- c) XIV, 05, 12 tháng 6 năm 2018.**
- d) XIII, 06, 12 tháng 6 năm 2019.

CT 7

Câu 1: Bảo vệ an ninh quốc gia là phải:

- a) Loại bỏ những mối đe dọa đến lợi ích cơ bản của nhân dân.
- b) Đấu tranh với tội phạm và đối tượng phá hoại trật tự xã hội.
- c) Chặn đứng các hành động phá hoại, xâm phạm tài sản nhân dân.
- d) Loại trừ những mối uy hiếp đối với lợi ích cơ bản của quốc gia.**

Câu 2: Mục tiêu của an ninh quốc gia là:

- a) Phòng ngừa sự chống phá của các loại tội phạm.
- b) Bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh quốc gia.**
- c) Bảo vệ truyền thống đoàn kết trong nội bộ.
- d) Phòng chống nạn tham nhũng, quan liêu.

Câu 3: An ninh phi truyền thống có thể hiểu là một loại hình:

- a) An ninh xuyên quốc gia.**
- b) An toàn xuyên quốc gia.
- c) An ninh trong quốc gia.
- d) An toàn trong hội nhập.

Câu 4: Giải quyết các nội dung về an ninh phi truyền thống phải là nhiệm vụ:

- a) Mang tính toàn cầu.**
- b) Của từng quốc gia.
- c) Mang tính thống nhất.

d) Của từng khu vực.

Câu 5: Gây ra những hệ lụy như: sản xuất đình trệ, thất nghiệp gia tăng, đứt gãy chuỗi cung ứng sản xuất và tiêu dùng, kinh tế suy thoái, kém phát triển, đời sống người dân gặp khó khăn... là những thách thức, đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với lĩnh vực:

a) Xã hội.

b) Kinh tế.

c) Môi trường.

d) Sản xuất.

Câu 6: An ninh phi truyền thống xuất phát từ các yếu tố do tự nhiên gây ra như:

a) Biến đổi khí hậu, xung đột biên giới, hỏa hoạn.

b) Hạn hán, ô nhiễm môi trường, khủng hoảng kinh tế.

c) Biến đổi khí hậu, trái đất nóng lên, thiên tai, bão lũ, hạn hán, sóng thần.

d) Khủng hoảng kinh tế, hạn hán, tội phạm, ma túy.

Câu 7: An ninh phi truyền thống do các yếu tố:

a) Phi kinh tế, phi chính trị gây ra.

b) Phi chính trị, phi quân sự gây ra.

c) Phi quân sự, phi ngoại giao gây ra.

d) Phi quân sự, phi văn hóa gây ra.

Câu 8: Đáng ta đã chỉ rõ “sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống” tại:

a) Nghị quyết Trung ương 8.

b) Đại hội lần thứ XII.

c) Đại hội lần thứ X.

d) Nghị quyết Trung ương 12.

Câu 9: Nguy cơ xâm phạm biên giới đất liền, biển đảo, vùng trời của Tổ quốc là một trong những thách thức, nguy cơ đối với:

a) Bất ổn xã hội.

b) An ninh truyền thông.

c) An toàn truyền thông.

d) Bất ổn quốc gia.

Câu 10: Nguy cơ, thách thức đối với an ninh truyền thông là:

a) Mất ổn định xã hội.

b) Mất đoàn kết nội bộ.

c) Khủng hoảng lòng tin với Đảng.

d) Khủng hoảng kinh tế, xã hội.

Câu 11: Trong phạm vi quốc gia, Đảng ta đã ra nghị quyết số 24/NQ/TU về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào năm:

a) 2016.

b) 2013.

c) 2011.

d) 2014.

Câu 12: An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống đều nói về an ninh quốc gia, nhưng:

- a) Nội hàm có cùng chung các yếu tố tạo thành.
- b) Cơ bản hoàn toàn giống nhau về nội hàm.
- c) Phạm vi nội hàm luôn quan hệ với nhau.
- d) Phạm vi nội hàm không hoàn toàn giống nhau.**

Câu 13: An ninh phi truyền thống xuất phát từ các yếu tố do con người gây ra như:

- a) Khủng hoảng chính trị, quân sự.
- b) Tội phạm, khủng bố, tham nhũng.**
- c) Xung đột biên giới, lãnh thổ.
- d) Biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán.

Câu 14: An ninh phi truyền thống xuất phát từ các yếu tố do con người và tự nhiên cùng gây ra như:

- a) Lụt bão, hạn mặn, sóng thần.
- b) Thiên tai, địch họa.
- c) Dịch bệnh, ô nhiễm môi trường.**
- d) Khủng hoảng tài chính.

Câu 15: Nội hàm của an ninh phi truyền thống rất rộng, rất đa dạng, giải quyết không phải một lần, một giai đoạn nhất định mà hết, nó có thể:

- a) Ngày càng gia tăng, không có điểm dừng.
- b) Chậm gia tăng và sẽ có điểm dừng nhất định.
- c) Ngày càng gia tăng đến một giai đoạn nhất định.
- d) Không gia tăng và không có điểm dừng.

Câu 16: Hiện nay trên thế giới, về an ninh phi truyền thống bởi xuất phát từ các góc độ nghiên cứu, chế độ chính trị, vị thế và tiềm lực kinh tế của từng nước, nên:

- a) Chỉ khác nhau về vấn đề cụ thể của an ninh phi truyền thống.
- b) Có quan niệm giống nhau về an ninh phi truyền thống.
- c) Giống nhau từng vấn đề cụ thể của an ninh phi truyền thống.
- d) **Vẫn có những quan niệm khác nhau về an ninh phi truyền thống.**

Câu 17: Những vấn đề được thể hiện trên nhiều lĩnh vực nhưng nằm ngoài vấn đề quân sự, trong bối cảnh liên kết quốc tế ngày càng phát triển đe dọa đến an ninh phi truyền thống, đó là:

- a) Cạn kiệt tài nguyên, biến đổi khí hậu.
- b) Hợp tác quốc tế và trong từng khu vực.
- c) Đoàn kết dân tộc, tôn giáo từng quốc gia.
- d) Liên kết quốc tế và trong từng khu vực.

Câu 18: Thách thức và đe dọa từ an ninh phi truyền thống trên lĩnh vực kinh tế là:

- a) An ninh xã hội.
- b) **An ninh năng lượng.**
- c) An ninh dân tộc.

d) An ninh tôn giáo.

Câu 19: Các thế lực thù địch lợi dụng các yếu tố từ an ninh phi truyền thống để:

- a) Kết hợp tiến công quân sự với kinh tế.
- b) Thực hiện kế hoạch can thiệp quân sự.
- c) Kích động gây rối, làm mất ổn định.**
- d) Bạo loạn lật đổ và can thiệp vũ trang định chính trị.

Câu 20: Các thế lực thù địch lợi dụng xu thế toàn cầu hóa để tìm cách hạn chế hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước là những thách thức đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với lĩnh vực:

- a) Chính trị tinh thần.**
- b) Văn hóa tinh thần.
- c) Kinh tế xã hội.
- d) Chính trị xã hội.

Câu 21: Những tác động của an ninh phi truyền thống đã ảnh hưởng đến công tác xây dựng lực lượng, thể trạng quốc phòng là những thách thức, đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với lĩnh vực:

- a) Quốc phòng toàn dân.
- b) Quốc phòng, an ninh.**
- c) Quân sự, an ninh.
- d) An ninh nhân dân.

Câu 22: Nâng cao nhận thức về các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống đối với an ninh con người, an ninh quốc gia và nhân loại là nghĩa vụ và trách nhiệm của:

- a) Mọi công dân Việt Nam.
- b) Học sinh, sinh viên.
- c) Lực lượng vũ trang.
- d) Mọi tổ chức, lực lượng.

Câu 23: Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không những tác động đối với Việt Nam mà còn tác động đến:

- a) Toàn cầu.
- b) Các nước nghèo.
- c) Tüm khu vực.
- d) Những nước giàu.

Câu 24: Một số mối đe dọa an ninh phi truyền thống, có khả năng chuyển hóa thành an ninh truyền thống như:

- a) Xung đột biên giới quốc gia.
- b) Mâu thuẫn đối kháng giai cấp.
- c) Xung đột chủ quyền lãnh thổ.
- d) **Xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo.**

Câu 25: Để quản trị và kiểm soát các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có hiệu quả, chúng ta phải:

- a) Phát huy sức mạnh đoàn kết quốc tế với lực lượng hòa bình thế giới.
- b) Nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân.
- c) **Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội.**
- d) Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 26: Phòng ngừa kiểm soát và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, chúng ta phải:

- a) Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế.
- b) Giao lưu và tăng cường hợp tác kinh tế.
- c) Mở rộng và tăng cường đối ngoại quốc tế.
- d) Liên doanh và liên kết an ninh quốc tế.

Câu 27: Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong đó hợp tác về phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thông qua cơ chế và:

- a) Cách thức linh hoạt, nhiều tầng, nhiều lớp.
- b) **Phương thức đa tầng, đa dạng và linh hoạt.**
- c) Giải pháp linh hoạt, đơn phương và đa phương.
- d) Phương thức linh động, đa dạng, phong phú.

Câu 28: Mục tiêu của an ninh quốc gia là:

- a) Củng cố lòng tin của nhân dân, phát hiện, loại trừ các loại tệ nạn xã hội từ bên ngoài.
- b) Xây dựng nền tảng tư tưởng vững chắc, phòng ngừa các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

- c) Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường giữ vững trật tự an toàn xã hội.
- d) Củng cố nền tảng vững chắc bên trong, phòng ngừa sự tiến công xâm phạm từ bên ngoài.**

Câu 29: Đối tượng tác động của an ninh phi truyền thống là:

- a) Thế giới, quốc gia, con người.**
- b) Dân tộc, khu vực, quốc gia.
- c) Thế giới, con người, tôn giáo.
- d) Tôn giáo, quốc gia, dân tộc.

Câu 30: Đối với nước ta, việc phối hợp quốc tế để giải quyết một số vấn đề về an ninh phi truyền thống đã được Đảng, Nhà nước:

- a) Hết sức lo lắng, và quan tâm thực hiện.
- b) Đang rất quan tâm và triển khai thực hiện.
- c) Hết sức quan tâm và thực hiện có hiệu quả.**
- d) Ra sức quan tâm và quyết tâm thực hiện.

KC 4

Câu 1: Lựu đạn là loại vũ khí gì?

- a) Dùng để đánh gần, trang bị cho từng người trong chiến đấu
- b) Có hỏa lực rất mạnh, hủy diệt sinh lực đối phương
- c) Có khả năng phá hủy tất cả các loại vũ khí khác
- d) Là phương tiện dùng để gây sát thương

Câu 2: Lựu đạn là loại vũ khí được cấu tạo như thế nào?

- a) Cấu tạo đơn giản, gọn nhẹ, sử dụng thuận tiện
- b) Có nhiều bộ phận, sử dụng phức tạp
- c) Cấu tạo phức tạp nhưng sử dụng dễ dàng
- d) Có nhiều tác dụng, sử dụng với nhiều mục đích

Câu 3: Lựu đạn là loại vũ khí khi sử dụng có khả năng gì?

- a) Sát thương sinh lực địch
- b) Dùng để tiêu diệt các phương tiện trên không
- c) Hủy diệt lớn sinh lực đối phương
- d) Tiêu diệt các phương tiện ở sâu dưới nước

Câu 4: Lựu đạn F1 Việt Nam, khi sử dụng chủ yếu sát thương sinh lực địch bằng gì?

- a) Mảnh gang vụn
- b) Các viên bi nhỏ

c) Hơi thuốc nổ

d) Mảnh sắt vụn

Câu 5: Bán kính sát thương của lựu đạn F1 là bao nhiêu m?

a) **20m**

b) 15m

c) 10m

d) 5m

Câu 6: Khối lượng toàn bộ của lựu đạn F1 Việt Nam là bao nhiêu gam?

a) **600 gam**

b) 450 gam

c) 500 gam

d) 650gr

Câu 7: Cấu tạo lựu đạn F1 Việt Nam gồm những bộ phận nào?

a) **Thân lựu đạn thuốc nhồi và bộ phận gây nổ**

b) Thân lựu đạn, cán lựu đạn và bộ phận gây nổ lắp vào thân

c) Thân lựu đạn, bộ phận gây nổ lắp vào thân và hạt nổ

d) Thân, bộ phận gây nổ lắp vào thân và đuôi lựu đạn

Câu 8: Vỏ lựu đạn F1 Việt Nam làm bằng chất liệu gì?

a) **Gang**

b) Sắt

- c) Thép
- d) Nhựa tổng hợp

Câu 9: Bên trong vỏ lựu đạn F1 Việt Nam chứa gì?

- a) Thuốc nổ TNT
- b) Thuốc cháy
- c) Nhiều viên bi
- d) Thuốc gây nổ

Câu 10: Lúc bình thường, mỏ vịt của lựu đạn F1 như thế nào?

- a) Chốt an toàn giữ không cho mỏ vịt bật lên
- b) Không có chốt an toàn, mỏ vịt bật lên
- c) Bật lên nhưng được tay người ném giữ lại
- d) Mỏ vịt ở vị trí không an toàn

Câu 11: Khi sử dụng, nếu rút chốt an toàn thì mỏ vịt của lựu đạn F1 như thế nào?

- a) Không có chốt giữ, mỏ vịt bật lên
- b) Muốn mỏ vịt bật lên, phải tiếp tục rút chốt an toàn phụ
- c) Mỏ vịt vẫn ở trạng thái an toàn
- d) Không thay đổi, giữ nguyên như cũ

Câu 12: Thời gian cháy chậm của lựu đạn LD – 01 là bao nhiêu giây?

- a) Từ 3,2 - 4,2s
- b) Từ 3,0 - 4,0s

c) Từ 3,1 - 4,1s

d) Từ 2,9 - 3,9s

Câu 13: Lựu đạn LD – 01 có đường kính thân là bao nhiêu mm?

a) **57 mm**

b) 50 mm

c) 65 mm

d) 70 mm

Câu 14: Lựu đạn LD – 01 có khối lượng toàn bộ là bao nhiêu?

a) **365 - 400 gam**

b) 440 - 500 gam

c) 390 - 450 gam

d) 470 - 500 gam

Câu 15: Bán kính sát thương của LD – 01?

a) **5 – 6 m**

b) 5 – 7 m

c) 4 – 8 m

d) 5 – 10 m

Câu 16: Lựu đạn LD – 01 dùng để sát thương sinh lực địch chủ yếu bằng gì?

a) Vỏ thép mỏng

b) Mảnh sắt vụn

- c) Mảnh thép vụn
- d) Áp lực khí thuốc

Câu 17: Quy tắc sử dụng lựu đạn thật có một nội dung nào sau đây?

- a) **Nắm vững tính năng chiến đấu, cấu tạo và thành thạo động tác sử dụng lựu đạn**
- b) Biết cách ném trong kiểm tra ném lựu đạn trúng đích
- c) Biết cách rút chốt an toàn làm cho lựu đạn nổ
- d) Nắm chắc cách đánh giá thành tích trong ném lựu đạn trúng đích

Câu 18: Chỉ sử dụng lựu đạn thật trong trường hợp nào?

- a) Khi có lệnh của người chỉ huy
- b) Khi người sử dụng thấy cần thiết
- c) Khi luyện tập chiến thuật
- d) Khi học tập về nội dung lựu đạn

Câu 19: Quy định sử dụng lựu đạn thật như thế nào?

- a) Cấm sử dụng trong luyện tập
- b) Được sử dụng ở khu vực đông người, nhưng phải tháo kíp nổ
- c) Được sử dụng trong luyện tập, nhưng phải cố định chốt an toàn
- d) Trong luyện tập phải cẩn thận khi sử dụng

Câu 20: Động tác đúng ném lựu đạn gồm mấy cử động?

- a) 3

b) 2

c) 4

d) 5

Câu 21: Khi ném lựu đạn, người ném buông lựu đạn ra khỏi tay khi nào là đúng thời cơ nhất?

a) Cánh tay phải hợp với mặt phẳng ngang 45°

b) Cánh tay vung lên ở góc độ cao nhất

c) Thân người hợp với mặt phẳng ngang 45°

d) Cánh tay phải hợp với mặt phẳng ngang 90°

Câu 22: Động tác quỳ ném lựu đạn có mấy cử động?

a) 3

b) 2

c) 4

d) 5

Câu 23: Động tác nằm ném lựu đạn có mấy cử động?

a) 3

b) 4

c) 2

d) 5

Câu 24: Bãi ném lựu đạn xa, đúng hướng có chiều dài bao nhiêu m?

a) 20m – 60m

b) 5m – 35m

c) 10m – 50m

d) 15m – 55m

Câu 25: Đánh giá thành tích loại Giới trong ném lựu đạn xa, đúng hướng là bao nhiêu m?

a) 35m Trở lên

b) 25m Trở lên

c) 45m Trở lên

d) 55m Trở lên

Câu 26: Đánh giá thành tích loại Khá trong ném lựu đạn xa, đúng hướng là bao nhiêu m?

a) 30m – dưới 35m

b) 25m – dưới 45m

c) 35m – dưới 50m

d) 20m – dưới 30m

Câu 27: Đánh giá thành tích loại Trung bình trong ném lựu đạn xa, đúng hướng là bao nhiêu m?

a) 25m – dưới 30m

b) 15m – dưới 20m

c) 10m – dưới 25m

- d) 5m – dưới 20m

Câu 28: Người ném lựu đạn thật phải căn cứ vào đâu để xác định tư thế, động tác ném phù hợp?

- a) Tùy theo điều kiện địa hình, địa vật, tình hình địch
- b) Căn cứ tình hình ta và địch
- c) Điều kiện tình hình ta và địa vật
- d) Tùy theo điều kiện thời tiết, khí hậu

Câu 29: Khi ném lựu đạn xong, người ném phải làm gì?

- a) Quan sát kết quả ném và tình hình địch để xử lý kịp thời
- b) Nằm úp xuống để tránh mảnh lựu đạn
- c) Di chuyển ngay vị trí để bảo đảm an toàn
- d) Quan sát ngày tình hình địch xung quanh

Câu 30: Trong quá trình vận chuyển, giữ gìn lựu đạn cần lưu ý gì?

- a) Không để rơi, không va chạm mạnh
- b) Phải kiểm tra chốt an toàn lựu đạn xong mới được vận chuyển
- c) Phải kiểm tra cẩn thận khi vận chuyển cùng thuốc nổ
- d) Động tác nhẹ nhàng khi tung, ném trong vận chuyển

KC 5

Câu 1: Trong chiến đấu tiến công, từng người hoặc cùng với tổ có thể đánh chiếm một số mục tiêu:

- a) **Đánh địch trong ụ súng, lô cốt, chiến hào, giao thông hào, căn nhà, xe tăng, xe bọc thép, tên địch, tốp địch ngoài công sự.**
- b) Đánh địch phía trước, hai bên sườn, phía sau trận địa, đánh địch đột nhập, tên địch, tốp địch trong công sự.
- c) Đánh tên, tốp địch trong công sự, đánh xe tăng, xe bọc thép địch, đánh địch đột nhập.
- d) Đánh bại địch tấn công phía trước, hai bên sườn, phía sau trận địa phòng ngự, đánh địch trong ụ súng, lô cốt, xe tăng, xe bọc thép.

Câu 2: Chỉ ra đâu là một yêu cầu chiến thuật “từng người trong chiến đấu tiến công”:

- a) Thiết bị bắn chu đáo, phát huy được hỏa lực ngăn chặn và tiêu diệt địch trên các hướng.
- b) Có quyết tâm chiến đấu cao, chuẩn bị mọi mặt chu đáo để đánh địch liên tục dài ngày.
- c) **Bí mật, bất ngờ, tinh khôn, mưu mẹo.**
- d) Hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội tạo thành thế liên hoàn đánh địch.

Câu 3: Chỉ ra đâu là một yêu cầu chiến thuật “từng người trong chiến đấu tiến công”:

- a) **Đánh nhanh, sục sạo kỹ, vừa đánh vừa địch vận.**

- b) Hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội tạo thành thế liên hoàn đánh địch.
- c) Giữ vững trận địa, tiêu diệt địch nhanh, làm chủ trận địa.
- d) Kiên cường, mưu trí, dũng cảm, chủ động, kiên quyết giữ vững trận địa đến cùng.

Câu 4: Chiến sĩ thường nhận nhiệm vụ chiến đấu từ:

- a) Tiểu đoàn trưởng.
- b) Đại đội trưởng.
- c) Trung đội trưởng.
- d) Tổ trưởng hoặc tiểu đội trưởng.**

Câu 5: Trong chiến đấu tiến công, cấp trên thường giao nhiệm vụ cho chiến sĩ ở:

- a) Trên bản đồ địa hình sau đó được bổ sung ngoài thực địa.
- b) Trên sa bàn.
- c) Ngay tại thực địa.**
- d) Trên sa bàn hoặc bản đồ địa hình.

Câu 6: Nội dung làm công tác chuẩn bị chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công gồm:

- a) Xác định vị trí phòng ngự, cách đánh, bố trí vũ khí trang bị, chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm,...
- b) Xác định tư tưởng, ý chí quyết tâm chiến đấu, nhận bổ sung vũ khí, trang bị, thuốc quân y, gói buộc lượng nổ,...**

- c) Xác định tư tưởng, cách đánh, bố trí vũ khí, làm công sự, vật cản, đường cơ động, chuẩn bị đầy đủ vật chất đảm bảo cho chiến đấu.
- d) Xác định tư tưởng, ý chí quyết tâm chiến đấu, cách đánh, bố trí vũ khí, làm công sự, vật cản, chuẩn bị vật chất đảm bảo cho chiến đấu.

Câu 7: Trong chiến đấu tiến công, trước khi vận động đến gần địch, chiến sĩ phải:

- a) **Quan sát tình hình địch, tình hình ta, xem xét địa hình, thời tiết, vận động theo đường nào, đến đâu, thời cơ và động tác vận động trong từng đoạn, vị trí tạm dừng và cách nghi binh lừa địch.**
- b) Quan sát địch, triệt để lợi dụng địa hình, thời tiết, ánh sáng, tiếng động,... để vận dụng các tư thế động tác cho phù hợp, bảo đảm vận động nhanh, bí mật, an toàn, đúng thời gian quy định.
- c) Quan sát địch, thời tiết, địa hình, ánh sáng, luôn giữ đúng đường, đúng hướng, tìm mọi cách tiến đến gần mục tiêu.
- d) Nhanh chóng chuẩn bị súng đạn, lựu đạn, pháo tay,... quan sát nắm tình hình địch và hành động của đồng đội, nắm vững thời cơ tiến công tiêu diệt địch.

Câu 8: Trong chiến đấu tiến công, khi vận động đến gần mục tiêu, chiến sĩ phải:

- a) Phải quan sát địch, ta, địa hình, thời tiết, vận động theo đường nào, đến đâu, thời cơ và động tác vận động, vị trí tạm dừng, cách nghi binh lừa địch.
- b) Phải quan sát địch, triệt để lợi dụng địa hình, thời tiết, ánh sáng, tiếng động,... để vận dụng các tư thế động tác cho phù hợp, bảo đảm vận động nhanh, bí mật, an toàn, đúng thời gian quy định.
- c) Quan sát địch, thời tiết, địa hình, ánh sáng, luôn giữ đúng đường, đúng hướng, nắm vững thời cơ tiến công tiêu diệt địch.

**d) Phải nhanh chóng chuẩn bị súng đạn, lựu đạn, pháo tay,... quan sát
nắm tình hình địch, hành động của đồng đội, nắm vững thời cơ để xung
phong tiêu diệt địch, chiếm mục tiêu.**

Câu 9: Trước khi đánh chiếm mục tiêu (ụ súng hoặc lô cốt), người chiến sĩ phải:

- a) Phải quan sát nắm chắc địch, địa hình xung quanh, đường tiếp cận, hình thù, tính chất mục tiêu, nhanh chóng bí mật vận động đến bên sườn phía sau, dùng lựu đạn ném vào bên trong tiêu diệt địch.
- b) Phải quan sát nắm chắc địch, địa hình xung quanh, đường tiếp cận,
hình thù, tính chất mục tiêu, đặc điểm hoạt động, chốt sơ hở yếu điểm
như bên sườn, phía sau,... đồng thời căn cứ vào vũ khí hiện có để xác
định cách đánh cho phù hợp.**
- c) Triệt để tận dụng kết quả hỏa lực của cấp trên, bí mật vận động đến bên sườn phía sau, dùng lựu đạn ném vào bên trong tiêu diệt địch.
- d) Quan sát địch, thời tiết, địa hình, ánh sáng, luôn giữ đúng đường, đúng hướng, nắm vững thời cơ tiến công tiêu diệt địch.

Câu 10: Trong chiến đấu tiến công, trước khi vận động đến gần địch người chiến sĩ phải:

- a) Quan sát địch, địa hình, thời tiết, ánh sáng.
- b) Xác định đường, hướng vận động, vị trí tạm dừng.
- c) Xác định cách nghi binh, lừa địch trên đường vận động.
- d) Phương A, B, C đúng.**

Câu 11: Chiến sĩ thường nhận nhiệm vụ chiến đấu từ:

- a) Tiêu đoàn trưởng giao.
- b) Đại đội trưởng giao.
- c) Trung đội trưởng giao.
- d) Tổ trưởng hoặc tiểu đội trưởng giao.**

Câu 12: Thủ đoạn của địch khi bị tiến công:

- a) Lợi dụng công sự trận địa tăng cường quan sát
- b) Khi bị tiến công địch lợi dụng công sự trận địa chống trả quyết liệt
- c) Khi có nguy cơ bị tiêu diệt, địch co cụm tháo chạy và chờ lực lượng phía sau lên ứng cứu giải tỏa.
- d) Tất cả các phương án trên.**

Câu 13: Từng người trong chiến đấu tiến công, cấp trên thường giao nhiệm vụ cho chiến sĩ ở.

- a) Trên bản đồ địa hình.
- b) Trên sa bàn.
- c) Ngay tại thực địa.**
- d) Trên cả sa bàn và bản đồ địa hình.

Câu 14: Từng người trong chiến đấu tiến công, có mấy yêu cầu

- a) 4 yêu cầu.
- b) 6 yêu cầu.**
- c) 7 yêu cầu.

- d) 5 yêu cầu.

Câu 15: Từng người trong chiến đấu tiến công, có mấy nhiệm vụ:

- a) 4 nhiệm vụ.
- b) 6 nhiệm vụ.
- c) 5 nhiệm vụ.
- d) 3 nhiệm vụ.**

Câu 16: Khi nhận nhiệm vụ người chiến sỹ cần nắm bao nhiêu nội dung:

- a) 3 nội dung**
- b) 4 nội dung.
- c) 5 nội dung.
- d) 6 nội dung.

Câu 17: Hiệp đồng trong chiến đấu nhằm mục đích:

- a) Giữ vững trận địa, tạo nên yếu tố bí mật bất ngờ.
- b) Tạo nên sức mạnh tổng hợp, chỉ vien, hỗ trợ cho nhau.**
- c) Nhằm phát huy cao độ hiệu quả các loại vũ khí.
- d) Giữ vững trận địa, tiêu diệt địch nhanh làm chủ trận địa.

Câu 18: Độc lập chiến đấu, chủ động hiệp đồng, liên tục chiến đấu, được xác định là:

- a) Nhiệm vụ của từng người,
- b) Cách đánh.

c) Yêu cầu chiến thuật.

d) Nguyên tắc,

Câu 19: Quan sát địch, ta, địa hình, thời tiết. Vận động theo đường nào, đến đâu, thời cơ và động tác vận động, vị trí tạm dừng, cách nghỉ binh lừa địch. Được xác định là:

a) Hành động của chiến sĩ trước khi vận động.

b) Hành động chiến sĩ khi vận động đến gần địch

c) Hành động chiến sĩ khi thực hành xung phong đánh chiếm mục tiêu.

d) Hành động chiến sĩ sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Câu 20: Quan sát nắm chắc địch ở trên hào, địch dưới hào, tình hình đồng đội chiến đấu và địa hình, địa vật xung quanh để xác định cách đánh cụ thể cho phù hợp. Được xác định là:

a) Cách đánh mục tiêu chiến hào và giao thông hào:

b) Cách đánh mục tiêu xe tăng xe bọc thép

c) Cách đánh mục tiêu ụ súng lô cốt.

d) Cách đánh mục tiêu căn nhà.

Câu 21: Bí mật bất ngờ tinh khôn mưu mẹo. Được xác định là:

a) Một trong những yêu cầu chiến thuật

b) Một trong những nhiệm vụ.

c) Một trong những cách đánh

d) Một trong những nguyên tắc.

Câu 22: Phải quan sát địch, ta, xem xét địa hình, thời tiết, cụ thể trong phạm vi chiến đấu chọn đường tiến. Vận động theo đường nào, đến đâu, thời cơ và động tác vận động, trong từng đoạn; vị trí tạm dừng, cách nghỉ binh lừa địch, Được xác định là:

- a) Trước khi vận động tiến công mục tiêu
- b) Khi vận động tiến công mục tiêu
- c) Khi nhận nhiệm vụ ngoài thực địa
- d) Khi thực hành đánh chiếm mục tiêu

Câu 23: Phải luôn quan sát, nắm chắc tình hình địch, triệt để lợi dụng địa hình, địa vật, thời tiết, ánh sáng, tiếng động, ... để vận dụng các tư thế, động tác vận động cho phù hợp, bảo bảo mọi hành động nhanh, bí mật, an toàn, đến đúng thời gian quy định. Được xác định là:

- a) Khi vận động tiến công mục tiêu
- b) Trước khi vận động tiến công mục tiêu
- c) Khi nhận nhiệm vụ ngoài thực địa
- d) Khi thực hành đánh chiếm mục tiêu

Câu 24: Phát huy cao độ của vũ khí trang bị, tiêu diệt địch tiết kiệm đạn. Được xác định là:

- a) Nhiệm vụ.
- b) Cách đánh.
- c) Yêu cầu chiến thuật.
- d) Nguyên tắc.

Câu 25: Đánh nhanh sục sạo kỹ vừa đánh vừa địch vận. Được xác định là:

- a) Nhiệm vụ.
- b) Cách đánh.
- c) Nguyên tắc.
- d) Yêu cầu chiến thuật.**

Câu 26: Xác định tư tưởng, ý chí quyết tâm chiến đấu; nhận bổ sung vũ khí, trang bị, thuốc quân y, gói buộc lượng nổ, được xác định là:

- a) Nội dung làm công tác chuẩn bị của từng người trong chiến đấu.**
- b) Yêu cầu chiến thuật.
- c) Cách đánh.
- d) Nguyên tắc.

Câu 27: Yêu cầu thứ 4 trong chiến đấu tiến công là:

- a) Phát huy cao độ hiệu quả của vũ khí, trang bị tiêu diệt địch, tiết kiệm đạn.
- b) Biết phát hiện và lợi dụng nơi sơ hở, hiểm yếu của địch, tiếp cận đến gần tiêu diệt địch.
- c) Độc lập chiến đấu, chủ động hiệp đồng, liên tục chiến đấu**
- d) Đánh nhanh, sục sạo kỹ, vừa đánh vừa địch vận.

Câu 28: Một trong các yêu cầu chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công:

- a) Thiết bị bắn chu đáo, phát huy được hỏa lực ngăn chặn và tiêu diệt địch trên các hướng.

b) Có quyết tâm chiến đấu cao, chuẩn bị mọi mặt chu đáo để đánh địch liên tục dài ngày

c) **Bí mật bất ngờ tinh khôn , mưu mẹo.**

d) Hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội tạo thành thế liên hoàn đánh địch.

Câu 29: Một trong các yêu cầu chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công:

a) **Đánh nhanh, sục sạo kỹ, vừa đánh vừa địch vận.**

b) Hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội tạo thành thế liên hoàn đánh địch.

c) Giữ vững trận địa, tiêu diệt địch nhanh làm chủ trận địa.

d) Mức độ công sự ngụy trang, vật chất cần chuẩn bị.

Câu 30: Nguyên tắc làm công sự trong chiến đấu tiến công.

a) Triệt để tận dụng địa hình địa vật, vật liệu và nhân lực tại chỗ.

b) Bí mật bất ngờ vững chắc, có công sự chính và công sự dự bị, ngụy trang kín đáo.

c) **Phù hợp với ý định chiến thuật, tạo thế liên hoàn vững chắc, phát huy được hỏa lực của các loại vũ khí.**

d) Nhằm phát huy cao độ hiệu quả các loại vũ khí.

Câu 31: Tác dụng của ngụy trang trong chiến đấu tiến công.

a) Triệt để tận dụng địa hình địa vật, vật liệu và nhân lực tại chỗ, ngụy trang kín đáo.

- b) Che giấu người, vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật, công sự, đảm bảo an toàn trong quá trình chiến đấu, không bị địch quan sát, trinh sát phát hiện.**
- c) Phù hợp với địa hình, phát huy được hỏa lực của các loại vũ khí.
- d) Nhằm làm phù hợp địa hình, phát huy cao độ hiệu quả các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh, đồng thời giữ bí mật trong chiến đấu

Câu 32: Thực chất của lối đường ngầm cơ bản là:

- a) Xe tăng, xe bọc thép địch
- b) Tàu chiến, ca nô của địch
- c) Máy bay, quân dù địch
- d) Trong hầm ngầm địch**

Câu 33: Một trong những yêu cầu đối với từng người trong chiến đấu tiến công

- a) Dũng cảm, linh hoạt, kịp thời**
- b) Anh dũng, kiên cường bám trụ
- c) Dũng cảm, bất khuất, tự tin
- d) Linh hoạt, mưu trí, lạc quan

Câu 34: Trong chiến đấu tiến công, khi chiếm được mục tiêu, hành động của từng người là phải:

- a) Chiếm địa hình có lợi, đề phòng địch phản công
- b) Cơ động ra khỏi trận địa, đề phòng địch đánh phá
- c) Đào công sự, ngụy trang, chuẩn bị tiến công tiếp**

- d) Xây dựng công sự trận địa, tổ chức phòng ngự

KC 6

Câu 1: Một trong những nội dung chiến sĩ phải nhớ kỹ khi nhận nhiệm vụ chiến đấu phòng ngự là:

- a) Phương hướng, vật chuẩn, đặc điểm địa hình nơi phòng ngự.
- b) Tình hình địch.
- c) Thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị, thời gian sẵn sàng đánh địch.
- d) Cả 3 phương án trên.**

Câu 2: Trong chiến đấu phòng ngự, sau khi hiểu rõ nhiệm vụ, thứ tự các công việc người chiến sĩ phải làm là:

- a) Xác định vị trí phòng ngự, xác định cách đánh, bố trí vũ khí, làm công sự và vật cản.**
- b) Xác định vị trí phòng ngự, làm công sự, bố trí vũ khí, xác định cách đánh.
- c) Làm công sự, bố trí vũ khí, xác định cách đánh, bố trí vật cản.
- d) Làm đường cơ động, đào hố bắn, triển khai súng, lựu đạn sẵn sàng đánh địch tập kích phía trước, bên sườn, phía sau.

Câu 3: Trong chiến đấu phòng ngự, vị trí phòng ngự của từng người bao gồm:

- a) Khu vực trên hướng bắn chính, hướng quan trọng, hướng bổ trợ.
- b) Mục tiêu cần giữ và một số địa hình, địa vật xung quanh.**

c) Hố bắn chính, hố bắn phụ, hào chiến đấu, hào giao thông.

d) Nơi tiện quan sát, tiện tiêu diệt địch.

Câu 4: Cách đánh của chiến sĩ khi địch tiến công vào trận địa là:

a) Nhanh chóng dùng vũ khí ngăn chặn, tiêu diệt, đẩy lùi địch từ xa.

b) Lợi dụng địa hình địa vật, cơ động ra phía trước, hiệp đồng với đồng đội đánh chặn địch từ xa, giữ vững vị trí được giao.

c) **Nắm vững thời cơ, chiếm lĩnh vị trí chiến đấu, chờ địch vào tầm bắn hiệu quả, theo lệnh người chỉ huy, hiệp đồng với đồng đội, tiêu diệt địch, giữ vững vị trí được giao.**

d) Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 5: Trong chiến đấu phòng ngự, vũ khí bắn thăng thường được bố trí:

a) Trên hướng bắn chính.

b) Phía trước mục tiêu cần giữ để tiêu diệt, ngăn chặn không cho địch đánh chiếm.

c) Tại hố bắn chính của người chiến sĩ.

d) **Ở nhiều vị trí, nơi phát huy hết uy lực của vũ khí, hiểm hóc, bất ngờ, tiện cơ động đánh địch trong mọi tình huống.**

Câu 6: Quy định thứ tự làm công sự trong chiến đấu phòng ngự là:

a) **Hố bắn chính, hố bắn phụ, hào chiến đấu, hào giao thông, các loại hầm ẩn nấp, nghỉ ngơi.**

b) Hào giao thông, hào chiến đấu, các loại hố bắn, hầm ẩn nấp, nghỉ ngơi.

- c) Hầm cất giàu vũ khí, lương thực thực phẩm, hố bắn chính, hố bắn phụ, hào chiến đấu, hào giao thông, các loại hầm ẩn nấp, nghỉ ngơi.
- d) Hào chiến đấu, hào giao thông, các loại hố bắn, các loại hầm ẩn nấp, nghỉ ngơi.

Câu 7: Để đảm bảo cho chiến đấu phòng ngự, vật chất từng người phải chuẩn bị:

- a) Dụng cụ và vật liệu xây dựng công sự trận địa.
- b) Các loại vũ khí, trang bị, phương tiện, vật chất.**
- c) Lương thực, thực phẩm, thuốc men.
- d) Súng đạn, lựu đạn, mìn.

Câu 8: Khi địch dùng hỏa lực bắn phá nhưng chưa tiến công bằng bộ binh hoặc bộ binh cơ giới, hành động của chiến sĩ là:

- a) Báo cáo với cấp trên, thông báo với bạn, nhanh chóng về vị trí chiến đấu để sẵn sàng đánh địch.
- b) Cơ động về vị trí chiến đấu, củng cố công sự trận địa, báo cáo với cấp trên.
- c) Cơ động ra phía trước sẵn sàng đánh chặn địch ở phía trước trận địa.
- d) Nếu không làm nhiệm vụ trực ban, phải triệt để lợi dụng công sự trận địa, địa hình, địa vật để ẩn nấp, tích cực chủ động quan sát nắm chắc tình hình.**

Câu 9: Khi địch tiến công bằng bộ binh hoặc bộ binh cơ giới, hành động của chiến sĩ là:

- a) Cơ động ra phía trước, hiệp đồng với đồng đội đánh chặn địch ở phía trước trận địa.

- b) Bố trí vật cản phía trước trận địa để ngăn chặn địch.
- c) **Nhanh chóng, bí mật chiếm vị trí chiến đấu, chờ địch đến gần, nắm vững thời cơ, bất ngờ nổ súng tiêu diệt địch.**
- d) Nhanh chóng chiếm vị trí chiến đấu, củng cố công sự trận địa, tăng cường quan sát, tiêu diệt địch trên hướng bắn chính.

Câu 10: Khi bị địch chiếm một phần trận địa, hành động của chiến sĩ là:

- a) Lùi về sau, báo cáo với cấp trên chi viện, phản kích lấy lại phần đất đã mất.
- b) Vòng ra bên sườn, phía sau địch, dùng lựu đạn, thủ pháo, bắn găm, bắn gần, bất ngờ tiêu diệt địch, khôi phục lại trận địa, báo cáo với cấp trên.
- c) **Kiên quyết giữ vững phần trận địa còn lại, dùng vũ khí tiêu diệt, ngăn chặn không cho địch phát triển, báo cáo với cấp trên, phối hợp với đồng đội khôi phục lại trận địa.**
- d) Tùy theo từng tình huống chiến đấu có thể vận dụng một trong 3 phương án trên.

Câu 11: Sau mỗi lần tiến công bị thất bại, địch thường rút lui về phía sau, hành động của chiến sĩ lúc này là:

- a) Bắn truy kích cho đến khi địch chạy ra ngoài tầm bắn XA NHẤT của vũ khí, phán đoán thủ đoạn tiến công mới của địch, cứu chữa thương binh, củng cố công sự, sẵn sàng đánh địch tiến công tiếp theo.
- b) Củng cố công sự, ngụy trang, phán đoán thủ đoạn tiến công mới của địch, báo cáo cấp trên.
- c) Cơ động đuổi theo truy kích địch, cứu chữa thương binh, thu chiến lợi phẩm, bắt tù binh, hàng binh, báo cáo cấp trên.

d) Bắn truy kích cho đến khi địch chạy ra ngoài tầm bắn HIỆU QUẢ, phán đoán thủ đoạn tiến công mới của địch, cứu chữa thương binh, củng cố công sự, sẵn sàng đánh địch tiến công tiếp theo.

Câu 12: Trong chiến đấu phòng ngự, trước khi tiến công địch thường sử dụng.

- a) Các lực lượng, phương tiện trinh sát trên không kết hợp biệt kích, thám báo, bọn phản động dễ phát hiện ta.**
- b) Xe tăng, xe bọc thép kết hợp với bộ binh triển khai ở tuyến xuất phát xung phong bắn phá vào trận địa phòng ngự của ta.
- c) Lợi dụng địa hình thuận lợi triển khai đội hình bộ binh bắn phá vào trận địa phòng ngự của ta
- d) Cả a, b và c đúng.

Câu 13: Đặc điểm khi tiến công trận địa của ta, địch thường sử dụng:

- a) Hỏa lực của máy bay, pháo binh đánh phá mãnh liệt với cường độ cao liên tục nhiều ngày vào trận địa phòng ngự của ta.
- b) Hỏa lực bắn trực tiếp vào trận địa kết hợp hỏa lực trên xe tăng, thiết giáp đồng thời bộ binh tiến công trận địa của ta.**
- c) Hỏa lực bắn truy kích tiêu diệt ta trong tầm bắn hiệu quả, sau đó tiếp tục tiến công.
- d) Hỏa lực bắn trên xe tăng, thiết giáp bắn vào phía sau đội hình phòng ngự của ta nhằm ngăn cản đường rút lui,

Câu 14: Một trong những nhiệm vụ của từng người trong chiến đấu phòng ngự:

- a) Tiêu diệt và đánh bại địch tiến công phía trước, hai bên sườn, và trên không trận địa phòng ngự của ta.
- b) Xây dựng công sự chiến đấu vững chắc, ngụy trang bí mật.
- c) **Đánh địch đột nhập.**
- d) Vận chuyển vũ khí, đạn và làm nhiệm vụ tuần tra canh gác trong phạm vi trận địa phòng ngự.

Câu 15: Một trong những nhiệm vụ của từng người trong chiến đấu phòng ngự:

- a) Tiêu diệt và đánh bại địch tiến công phía trước, hai bên sườn, và trên không trận địa phòng ngự của ta
- b) Xây dựng công sự chiến đấu vững chắc, ngụy trang bí mật.
- c) Vận chuyển vũ khí, đạn và làm nhiệm vụ
- d) **Tham gia làm nhiệm vụ đánh địch vòng ngoài**

Câu 16: Một trong những yêu cầu chiến thuật của từng người trong chiến đấu phòng ngự:

- a) **Có quyết tâm chiến đấu cao, chuẩn bị mọi mặt chu đáo, đảm bảo đánh địch dài ngày.**
- b) Đánh nhanh, sục sạo kỹ, vừa đánh vừa địch vận.
- c) Độc lập chiến đấu, chủ động hiệp đồng, liên tục chiến đấu.
- d) Bí mật bất ngờ tinh khôn mưu mẹo.

Câu 17: Một trong những yêu cầu chiến thuật của từng người trong chiến đấu phòng ngự:

- a) Hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội tạo thành thế liên hoàn đánh địch.**
- b) Đánh nhanh, sục sạo kỹ, vừa đánh vừa địch vận.
- c) Độc lập chiến đấu, chủ động hiệp đồng, liên tục chiến đấu.
- d) Bí mật bất ngờ tinh khôn mưu mẹo.

Câu 18: Đặc điểm tiến công của địch: sau mỗi lần bị thất bại:

- a) Địch thường lùi ra phía sau, củng cố lực lượng. Dùng hỏa lực đánh phá vào trận địa. Sau đó tiến công tiếp**
- b) Lợi dụng địa hình thuận lợi triển khai lực lượng dự bị để tiến công tiếp.
- c) Chuyển hướng và tiếp tục tiến công vào trận địa
- d) Tổ chức nghỉ bình hướng chính sau đó tiến công tiếp.

Câu 19: Một trong những nội dung hiểu rõ nhiệm vụ của từng người trong chiến đấu phòng ngự:

- a) Phương hướng, vật chuẩn, đặc điểm địa hình nơi phòng ngự.**
- b) Biện pháp địch tiến hành trình sát trận địa của ta.
- c) Nhiệm vụ của từng người trong chiến đấu phòng ngự.
- d) Kỹ thuật chiến đấu của chiến sĩ bộ binh.

Câu 20: Trong chiến đấu phòng ngự người chiến sĩ chỉ được rủi khỏi trận địa:

- a) Khi hỏa lực địch bắn phá mãnh liệt vào vị trí chiến đấu.
- b) Khi địch đột nhập và chiếm giữ công sự chiến đấu.
- c) Khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

d) Khí được lệnh của cấp trên.

Câu 21: Một trong những yêu cầu chiến thuật của từng người trong chiến đấu phòng ngự:

- a) Đánh nhanh, sục sạo kỹ, vừa đánh vừa địch vận.
- b) Độc lập chiến đấu, chủ động hiệp đồng, liên tục chiến đấu.
- c) Bí mật bất ngờ tinh khôn mưu mẹo.
- d) Xây dựng công sự chiến đấu vững chắc, ngày càng kiên cố, ngụy trang bí mật.**

Câu 22: Một trong những nhiệm vụ của từng người trong chiến đấu phòng ngự:

- a) Tiêu diệt và đánh bại địch tiến công phía trước, hai bên sườn, và trên không trận địa phòng ngự của ta.
- b) Xây dựng công sự chiến đấu vững chắc, ngụy trang bí mật
- c) Vận chuyển vũ khí, đạn và làm nhiệm vụ
- d) Dựa vào công sự trận địa tiêu diệt và đánh bại địch tiến công ở phía trước, bên sườn và phía sau trận địa phòng ngự.**

Câu 23: Hành động của từng người sau mỗi lần đánh bại địch tiến công:

- a) Chủ động cứu chữa thương binh, củng cố công sự trận địa, bổ sung vật chất.**
- b) Nhận nhiệm vụ mới do cấp trên giao, làm công tác chuẩn bị.
- c) Nhanh chóng rời khỏi trận địa và sẵn sàng nhận nhiệm vụ tiếp theo.
- d) Làm lực lượng dự bị hỗ trợ đồng đội đánh địch tiến công trận địa.

Câu 24: Hành động của từng người làm công tác chuẩn bị trong chiến đấu phòng ngự:

- a) Xác định vị trí phòng ngự và cách đánh địch.
- b) Làm kẽ hoạch chiến đấu.
- c) Trinh sát trận địa phòng ngự.
- d) Hiệp đồng cùng đồng đội có liên quan.

Câu 25: Khi địch tiến công vào trận địa cách vị trí chiến đấu khoảng bao nhiêu mét thì chiến sĩ sử dụng lựu đạn?

- a) 5-10 mét
- b) 20-30 mét.**
- c) 70- 80 mét.
- d) 90- 100 mét.

Câu 26: Hành động của từng người làm công tác chuẩn bị trong chiến đấu phòng ngự:

- a) Bố trí vũ khí, làm công sự và vật cản**
- b) Xác định tư tưởng, ý chí quyết tâm chiến đấu.
- c) Nhận bổ sung vũ khí, trang bị kỹ thuật.
- d) Gói buộc lượng nổ dài, lượng nổ khối.

Câu 27: Hành động của từng người trong chiến đấu phòng ngự, đánh địch rút chạy:

- a) Bắn truy kích tiêu diệt địch trong tầm bắn hiệu quả.**

- b) Rời trận địa xung phong tiêu diệt địch rút chạy.
- c) Bí mật cơ động chặn đường rút lui của địch.
- d) Nhanh chóng rời khỏi vị trí chiến đấu tiến công địch.

Câu 28: Trong chiến đấu phòng ngự, cùng với tổ, tiểu đội, chiến sĩ dựa vào công sự trận địa:

- a) Đánh bại địch tiến công
- b) Ngăn chặn địch tiến công
- c) **Đẩy lùi địch tiến công**
- d) Phản kích địch tiến công

Câu 29: Sau mỗi lần tiến công vào trận địa phòng ngự của ta thất bại, địch lùi ra phía sau đê:

- a) Củng cố lực lượng
- b) **Bổ sung quân số**
- c) Củng cố vũ khí
- d) Bổ sung đạn dược

Câu 30: Trong chiến đấu phòng ngự, chiến sĩ không những đảm nhiệm các nhiệm vụ trong trận địa, mà còn tham gia:

- a) **Đánh địch vòng ngoài**
- b) Tuần tra bên ngoài
- c) Đánh địch vòng trong
- d) Đánh địch rút chạy

Câu 31: Trong chiến đấu phòng ngự, yêu cầu phải xây dựng công sự chiến đấu:

- a) **Kiên cố vững chắc, ngụy trang bí mật**
- b) Liên kết bền vững, ngụy trang chu đáo
- c) Kiên cố, chắc chắn, ngụy trang bí mật
- d) Liên kết vững chắc, nghi binh lừa địch

Câu 32: Trong chiến đấu phòng ngự, sau mỗi lần đánh bại địch tiến công phải chủ động cứu chữa thương binh, bổ sung vật chất và:

- a) **Củng cố công sự trận địa**
- b) Xây dựng công sự phòng ngự
- c) Tổng kết trận đánh
- d) Rút kinh nghiệm chiến đấu

Câu 33: Trong chiến đấu phòng ngự trận địa, sau mỗi đợt đánh tan công bị thát bại chúng thường:

- a) **Địch lùi ra xa, tổ chức củng cố lại đội hình, tăng cường lực lượng, vũ khí, dùng hỏa lực bắn phá, thay đổi thủ đoạn và tấn công tiếp**
- b) Tổ chức xây dựng công sự trận địa phòng ngự, làm đường cơ động, bố trí vật cản ngăn chặn. Chờ quân tiếp viện đến, tiến công tiếp.
- c) Địch lùi ra xa, tổ chức củng cố lại đội hình, trinh sát xác định vị trí, gọi máy bay ném bom, dùng hỏa lực bắn phá, thay đổi thủ đoạn và tấn công tiếp
- d) Thay đổi hướng tiến công, đổi cách đánh. Xây dựng tuyến xuất phát tiến công, tiếp tục đánh

Câu 34: Hiệp đồng trong chiến đấu nhằm mục đích:

- a) Tạo nên sức mạnh tổng hợp, chi viện, hỗ trợ cho nhau
- b) Giữ vững trận địa, tạo nên yếu tố bí mật bất ngờ
- c) Nhằm phát huy cao độ hiệu quả các loại vũ khí
- d) Giữ vững trận địa, tiêu diệt địch nhanh làm chủ trận địa

HP 4

Câu 1: Trong chiến đấu tiến công, từng người cùng tổ bộ binh có nhiệm vụ đánh chiếm các mục tiêu:

- a) Xe tăng, xe bọc thép địch
- b) Tàu chiến, ca nô của địch
- c) Máy bay, quân dù địch
- d) Trong hầm ngầm địch**

Câu 2: Thực chất của lấy đường ngắm cơ bản là:

- a) Là tạo cho súng thăng bằng để bắn trúng mục tiêu.
- b) Là đưa đường ngắm đúng đến điểm định bắn trên mục tiêu.
- c) Là hướng thăng trực nòng súng vào mục tiêu, bóp cò.
- d) Là tạo cho súng một góc bắn về tầm và hướng.**

Câu 3: Muốn bắn được trúng chum, khi giương súng phải đạt được các yếu tố:

- a) Giữ súng chắc, ghì súng chặt, tì vào vai, không cho súng giật.
- b) Bằng, chắc, đều, bền.**
- c) Giữ súng chắc, ghì súng chặt, tì vào vai, không cho súng nẩy.
- d) Giữ súng chắc, ghì súng chặt, tì vào vai.

Câu 4: Bắn mục tiêu bia số 4, cự ly 100m bằng súng tiêu liên AK, ta thường chọn thước ngắm, điểm ngắm:

- a) Thước ngắm tương ứng với cự ly bắn, điểm ngắm chính giữa mục tiêu.**

- b) Thước ngắm 3, điểm ngắm chính giữa mục tiêu.
- c) **Thước ngắm 3, điểm ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.**
- d) Thước ngắm 1, điểm ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

Câu 5: Hành động của từng người làm công tác chuẩn bị trong chiến đấu phòng ngự:

- a) **Bố trí vũ khí, làm công sự và vật cản**
- b) Xác định tư tưởng, ý chí quyết tâm chiến đấu.
- c) Nhận bổ sung vũ khí, trang bị kỹ thuật.
- d) Gói buộc lượng nổ dài, lượng nổ khôi.

Câu 6: Bản chất của ngắm bắn là xác định:

- a) Tư thế bắn và số lượng đạn
- b) Cự ly và phần tử bắn
- c) **Góc bắn và hướng bắn cho súng**
- d) Đặc điểm và tính chất mục tiêu

Câu 7: Muốn bắn trúng mục tiêu khi bắn súng phải có 3 yếu tố nào?

- a) Có thước ngắm 3; có điểm ngắm giữa; có đường ngắm tốt
- b) **Có thước ngắm đúng; có điểm ngắm đúng; có đường ngắm đúng**
- c) Có thước ngắm chuẩn; có điểm ngắm đúng; có đường cơ bản
- d) Có thước ngắm phù hợp; có điểm ngắm chuẩn; có đường ngắm tốt

Câu 8: Sai đường ngắm cơ bản là:

- a) Sai về hướng bắn, động tác bắn.
- b) Sai về góc bắn và hướng bắn.**
- c) Sai lệch về hướng bắn, góc bắn, cự ly bắn và động tác bắn.
- d) Sai về góc bắn, cự ly bắn.

Câu 9:

KC 2

Câu 1: Bắn súng tiêu liên AK, khi thổi bắn hoàn toàn khẩu lệnh được hô:

Thổi bắn, khám súng, đúng dậy

Câu 2: Bắn súng tiêu liên AK, khi thổi bắn tạm thời khẩu lệnh được hô:

Ngừng bắn

Câu 3: Câu tạo súng tiêu liên AK gồm bao nhiêu bộ phận

11 bộ phận chính

Câu 4: Các nguyên nhân sinh ra góc nảy:

Va chạm, do dạo động của nòng súng, Do súng giật

Câu 5: Đường ngắm đúng là:

là đường ngắm cơ bản được đóng vào điểm ngắm đã xác định với điều kiện mặt súng phải thẳng bằng.

Câu 6: Điểm bắn đúng là:

Là điểm được xác định bắn trên mục tiêu mà đạn đi qua

Câu 7: Động tác nằm bắn có bao nhiêu cử động

3 cử động

Câu 8: Động tác đứng bắn có bao nhiêu cử động

2 cử động

Câu 9: Động tác quỳ bắn có bao nhiêu cử động

2 cử động

Câu 10: Đường ngắm cơ bản của súng tiêu liên AK được hiểu:
là đường thẳng từ mắt người ngắm qua điểm chính giữa mép trên khe ngắm
(hoặc tâm lỗ ngắm), đến điểm chính giữa mép trên đầu ngắm.

Câu 11: Hộp tiếp đạn của súng tiêu liên AK khi lắp đầy chứa được:

30 viên

Câu 12: Khi đường ngắm cơ bản chính xác, ta lấy điểm ngắm cao hơn 5cm so với điểm ngắm đúng, thì điểm chạm của đạn trên mục tiêu sai lệch:

Cao hơn điểm định bắn 5cm

Câu 13: Khi mặt súng bị nghiêng thì điểm chạm của đạn trên mục tiêu:

Nghiêng về bên nào thì lệch về bên đó và thấp hơn bên ấy

Câu 14: Khi bắn súng tiêu liên AK, nếu có gió dọc ngược với hướng bắn thì:

Làm cho đầu bạn bay thấp xuống và gần hơn

Câu 15: Khi bắn súng tiêu liên AK, nếu có gió dọc xuôi với hướng bắn thì:

Làm cho đầu bạn bay cao lên và xa hơn

Câu 16: Khi bắn súng tiêu liên AK, nếu có gió ngang theo hướng bắn thì ảnh hưởng của gió đến đầu đạn

Làm cho đầu đạn bay lệch theo chiều xuôi hướng gió

Câu 17: Khi đường ngắm cơ bản chính xác, mặt súng thẳng bằng, nếu điểm ngắm sai lệch 12 cm so với điểm

12cm

Câu 18: Khi đường ngầm cơ bản chính xác, mặt súng thẳng bằng, nếu điểm ngầm sai lệch so với điểm ngầm đúng 10cm. Thì điểm chạm của đạn trên mục tiêu sẽ sai lệch so với điểm ngầm đúng là

10 cm

Câu 19: Khoảng an toàn của đường đạn là:

Mà Khoảng đầu đạn không sát thương mục tiêu sau vật che đỡ

Câu 20: Nếu đầu ngầm thấp hơn mép trên khe ngầm, thì điểm chạm của đạn trên mục tiêu:

Thấp hơn so với điểm định bắn trúng

Câu 21: Nếu đầu ngầm cao hơn mép trên khe ngầm, thì điểm chạm của đạn trên mục tiêu:

cao hơn so với điểm định bắn trúng

Câu 22: Nếu đầu ngầm thấp hơn mép trên khe ngầm và lệch phải, thì điểm chạm của đạn trên mục tiêu:

Thấp hơn và lệch phải so với điểm định bắn trúng

Câu 23: Nếu đầu ngầm cao hơn mép trên khe ngầm và lệch trái, thì điểm chạm của đạn trên mục tiêu:

Cao hơn và lệch trái so với điểm định bắn trúng

Câu 24: Nếu đầu ngầm cao hơn mép trên khe ngầm, thì điểm chạm của đạn trên mục tiêu:

Cao hơn so với điểm định bắn trúng

Câu 25: Thực chất của lấy đường ngắm cơ bản là:

Tạo cho súng 1 góc về tầm và hướng

Câu 26: Với mục tiêu cao, lớn, ta chọn thước ngắm, điểm ngắm:

Thước ngắm tương ứng với cự ly bắn, chọn điểm ngắm chính giữa mục tiêu.

Câu 27: Sai đường ngắm bắn là

Sai về góc bắn, hướng bắn

KC 7

Câu 1: nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) là gì?

**Bảo đảm an toàn cho đơn vị , phát hiện ngăn chặn các hoạt động đột ngột
những người lạ mặt, những hiện tượng làm lộ bí mật**

Câu 2: từng người làm nhiệm vụ canh gác(cảnh giới) trong bài gồm có tất cả mấy
nguyên tắc chung

5 nguyên tắc

Câu 4: sau khi nhận nhiệm vụ chiến sĩ phải rõ nhiệm vụ nội dung gồm những gì?

- 1. Phạm vi khu vực trú quân của đơn vị.**
- 2. Địa hình đường sá, đi lại.**
- 3. Địch ở đâu, đi bằng đường nào, hướng nào đến.**
- 4. Nơi canh gác tuần tra của đồng đội và đơn vị có liên quan.**
- 5. Vị trí, phạm vi canh gác, đường đi, đường về và thời gian mình canh gác.**
- 6. Những tình huống có thể xảy ra và cách xử trí.**

Câu 6: vị trí gác phụ cách gác trước bao nhiêu?

15m

Câu 7: phương pháp quan sát của chiến sĩ trong bài từng người làm nhiệm vụ
canh gác cảnh giới?

Nhìn gần ra xa, từ trái sang phải và ngược lại

Câu 8: hành động của chiến sĩ khi gặp tình huống phát hiện địch?

Kịp thời báo cáo tổ trưởng, đồng thời quan sát chặt chẽ mỗi hành động của địch. Nếu một tên, tìm mọi cách bắt sống, nếu ko bắt được thì dùng hỏa lực tiêu diệt. Địch nhiều tiến hành theo luật cấp trên đã quy định

Câu 9: Hành động của chiến sĩ khi gặp tình huống bất ngờ nổ súng trước?

Nhanh chóng lợi dụng địa hình, địa vật thích hợp với đồng đội, đơn vị bạn tiêu diệt địch, đồng thời tổng hợp tình hình báo cáo cấp trên

Câu 10: Hành động của chiến sĩ khi gặp tình huống có người qua lại

Phải quan sát hành động, thái độ của người đó, yêu cầu người đó dừng lại và cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định canh phòng, nếu không có báo cáo tổ trưởng để xử lý. Nếu không có zì cho họ đi, Quá trình đó phải hết sức cảnh giác đề phòng và luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu

Câu 1: Đâu là một trong những nguyên tắc chung của bài từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)

- 1. Nắm được nhiệm vụ.**
- 2. Thông thạo địa hình đường sá.**
- 3. Liên hệ chặt chẽ với lực lượng địa phương đồng đội và đơn vị bạn.**
- 4. Kiên quyết đối với địch nhưng hết sức hòa nhã lẽ độ đối với cấp trên, đồng đội và nhân dân.**
- 5. Nắm được quy luật hoạt động của địch, nơi bố trí canh gác của đơn vị và tình hình nhân dân trong và ngoài khu trú quân.**

Câu 2: Vị trí phụ cách vị trí chính bao nhiêu

15m

Câu 3: Sau khi nhận nhiệm vụ chiến sĩ phải hiểu rõ nhiệm vụ nội dung gồm:

- 1. Phạm vi khu vực trú quân của đơn vị.**
- 2. Địa hình đường sá, đi lại.**
- 3. Địch ở đâu, đi bằng đường nào, hướng nào đến.**
- 4. Nơi canh gác tuần tra của đồng đội và đơn vị có liên quan.**
- 5. Vị trí, phạm vi canh gác, đường đi, đường về và thời gian mình canh gác.**
- 6. Những tình huống có thể xảy ra và cách xử trí.**

Câu 4: phương pháp quan sát của chiến sĩ trong bài từng người làm nhiệm vụ canh gác cảnh giới

Quan sát từ gần ra xa, từ trái sang phải và ngược lại

Câu 5: Nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) là gì?

**Bảo đảm an toàn cho đơn vị, phát hiện ngăn chặn các hoạt động đột ngột
những người lạ mặt, những hiện tượng làm lộ bí mật**

Câu 6: nội dung nguyên tắc của hành động chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ là gì?

Hiểu rõ nhiệm vụ được giao, chọn vị trí gác phù hợp, làm tốt công tác chuẩn bị.

Câu 7: Đâu không phải là một trong những nguyên tắc chung của bài từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)

Nơi tuần tra canh gác của đồng đội